TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HIỆP HÒA** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2024/HNGĐ-ST
Ngày 26/12/2024
V/v "Ly hôn, con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sự

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Xuân Hoàng

Ông Trương Đức Lâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Quyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện VKSND huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Giáp Văn H - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 224/2024/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2024 về việc "*Ly hôn, con chung"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2024/QĐST-HNGĐ ngày 02/12/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1988 (có đơn xin vắng mặt)

Nơi cư trú:Thôn C, xã X, huyện H, tỉnh Bắc Giang

- Bị đơn: Anh Vũ Văn T, sinh năm 1983 (có đơn xin vắng mặt)

Nơi ĐKHKTT: Thôn C, xã X, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

Hiện nay đang chấp hành án tại Đội 38, phân trại số C, Trại giam N1- Cục C-Bộ C1.

Địa chỉ: thôn T, xã C, huyện T, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân

Chị kết hôn với anh Vũ Văn T năm 2007, đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện H, tỉnh Bắc Giang theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu khi mới kết hôn, chị và anh T chung sống khá hạnh phúc. Tuy nhiên, từ năm 2020, chị và anh T thường xuyên phát sinh mâu thuẫn với nhau, từ quan điểm sống, việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình đến chăm sóc con cái. Khi mâu thuẫn phát sinh, anh chị đã nhiều lần chủ

động nói chuyện, cố gắng hoà giải, tìm tiếng nói chung, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng mâu thuẫn giữa hai bên vẫn không hoá giải được. Năm 2022, anh T phạm tội và bị kết án 05 năm 06 tháng tù giam. Kể từ ngày 13/9/2022, anh T phải chấp hành án tại Trại giam N1, huyện T, tỉnh Bắc Giang thì anh chị không còn chung sống, cũng không có hỏi han, quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Tình cảm vợ chồng đã rạn nứt đến mức không thể hàn gắn được.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, xin được ly hôn với anh Vũ Văn T.

-Về con chung: Chị xác định có 02 con chung là cháu Vũ Thị Trâm A, sinh ngày 15/3/2008 và cháu Vũ Nguyễn Minh N, sinh ngày 28/8/2009. Cả hai con chung đang ở cùng chị L. Ly hôn chị L xin được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con chung. Vấn đề cấp dưỡng chị không yêu cầu xem xét, giải quyết.

-Về tài sản chung vợ chồng: Chị không đề nghị toà án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa chị xin được xét xử vắng mặt.

* Bị đơn anh Vũ Văn T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Liên kết H1 năm 2007, tại UBND xã X, kết hôn tự nguyện. Sau khi kết hôn xong thì anh chị về chung sống với nhau ngay và chung sống hạnh phúc cho đến khi anh bị bắt và đang phải chấp hành án, trong thời gian chấp hành án thì anh không có điều kiện quan tâm chăm sóc cho gia đình. Nay chị L xin ly hôn thì anh đồng ý.

-Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Vũ Thị Trâm A, sinh ngày 15/3/2008 và cháu Vũ Nguyễn Minh N, sinh ngày 28/8/2009. Cả hai con chung đang ở cùng chị L. Ly hôn chị L xin được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con chung thì anh đồng ý. Vấn đề cấp dưỡng anh không yêu cầu xem xét, giải quyết.

-Về tài sản chung, quyền và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh xác định không có, không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Do hiện nay anh đang phải chấp hành án nên anh xin vắng mặt khi xét xử.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 27-Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Vũ Văn T.

2.Về con chung: Giao cháu Vũ Thị Trâm A, sinh ngày 15/3/2008 và cháu Vũ Nguyễn Minh N, sinh ngày 28/8/2009 cho chị Nguyễn Thị Liên tiếp T1 nuôi dưỡng.

Vấn đề cấp dưỡng chị L không yêu cầu, nên không xem xét, giải quyết.

3.Về công nợ, tài sản chung: Chị L và anh T không yêu cầu, nên không xem xét, giải quyết.

4.Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0004166 ngày 07/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Nguyễn Thị L đã nộp đủ.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Ngày 07 tháng 10 năm 2024, Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị L xin ly hôn anh Vũ Văn T có nơi cư trú tại thôn C, xã X, huyện H là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Về tố tụng: Chị L và anh T đều có đơn xin vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt chị L và anh T là có căn cứ.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Vũ Văn T xác lập quan hệ hôn nhân là tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng là hôn nhân hợp pháp (Theo Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình). Căn cứ vào lời khai của hai bên, biên bản làm việc với địa phương thì Hội đồng xét xử, xét thấy chị L và anh T sau khi về chung sống thời gian đầu chung sống bình thường, sau đó phát sinh mâu thuẫn quan điểm sống, việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Bản thân anh T hiện đang chấp hành án tại tại Đội 38, phân trại số C, Trại giam N1- Cục C- Bộ C1. Chị L xác định không còn tình cảm và xin ly hôn, thì anh T đồng ý ly hôn và đồng ý để chị Liên tiếp T1 nuôi dưỡng con chung. Về tài sản, công nợ, anh không yêu cầu xem xét, giải quyết. Như vậy, xét thấy mâu thuẫn giữa chị L và anh T đã trầm trọng, đời sống chung của chị chị L và anh T không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Vũ Văn T có 02 con chung là cháu Vũ Thị Trâm A, sinh ngày 15/3/2008 và cháu Vũ Nguyễn Minh N, sinh ngày 28/8/2009. Khi ly hôn chị L xin được nuôi con chung và anh T đồng ý để chị Liên tiếp T1 nuôi dưỡng con chung. Xét về điều kiện, thời gian chăm sóc, kinh tế của hai bên và để đảm bảo cuộc sống ổn định của con chung và xét theo nguyện vọng của con chung nên cần giao con chung cho chị Liên tiếp T1 nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Vấn đề cấp dưỡng chị L không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị L và anh T không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0004166 ngày 07/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Nguyễn Thị L đã nộp đủ.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 - Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điểm a khoản 5; khoản 6 - Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Vũ Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Vũ Thị Trâm A, sinh ngày 15/3/2008 và cháu Vũ Nguyễn Minh N, sinh ngày 28/8/2009 cho chị Nguyễn Thị Liên tiếp T1 nuôi dưỡng.

Vấn đề cấp dưỡng chị L không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về công nợ, tài sản chung: Chị L và anh T không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0004166 ngày 07/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Nguyễn Thị L đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

6.Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- CCTHADS huyện Hiệp Hòa;
- UBND xã Xuân Cẩm;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Sự